TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số 15/2018/HSST
Ngày 21 tháng 03 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành**

***Các hội thẩm nhân dân*:**

Ông **Đinh Công Hiến**

Ông **Trần Xuân Thái**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Hứa Công Nguyên** - là thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: ông **Phạm Công Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 21/03/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2018/HSST ngày 12/02/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 03 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Bùi Công L, sinh năm 1976; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại xóm 3 T, xã G, huyện G, tỉnh N; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Công V và bà Bùi Thị V; có vợ Lê Thị T, sinh năm 1983 và có 03 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Xuân Q, sinh năm 1975; tại xã G, huyện G, tỉnh N; nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại xóm 3 T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn L (đã chết) và bà Trần Thị N; có vợ Lê Thị C, sinh năm 1975 và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Quang N, sinh năm 1985; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại xóm 3 T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng Q và bà Bùi Thị S; có vợ Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1987 và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Tại bản án số 29/2016/HSST ngày 26/7/2016 của TAND huyện G, tỉnh N xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày 26/7/2016, về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại

khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đang chấp hành thời gian thử thách; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 29/12/2017, tới nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Duy B, sinh năm 1974; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại xóm 3 T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình K và bà Phạm Thị P (đều đã chết); có vợ Đinh Thị D, sinh năm 1982 và có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Bùi Công T, sinh năm 1978; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại xóm 3 T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Công P (đã chết) và bà Đinh Thị N; có vợ Trần Thị N, sinh năm 1982 và có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Lịch sử bản thân: Tại bản án số 11/2006/HSST ngày 12/5/2006 của TAND huyện G, tỉnh N xử phạt 36 tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Chấp hành xong bản án ngày 29/9/2008; bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Bùi Đức Đ, sinh năm 1986; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại xóm 3 T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức Đ và bà Lê Thị M; có vợ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Đinh Duy H, sinh năm 1992; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại xóm 3 T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Duy H và bà Lê Thị N; có vợ Đặng Thị L, sinh năm 1996 và có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 27/9/2017 bị Công an huyện G quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000 đồng về hành vi "cố ý gây thương tích", chấp hành xong ngày 27/10/2017; bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Đình H1, sinh năm 1977; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại xóm 3 T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H và bà Bùi Thị L; có vợ Mai Thị N, sinh năm 1982 và có 03 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Bùi Công C, sinh năm 1986; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại xóm 3 T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Công T (đã chết) và bà Bùi Thị N; có vợ Lê Thị C, sinh năm 1989 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Bùi Công P sinh năm 1977; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại xóm 3 T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Công P (đã chết) và bà Đinh Thị N; có vợ Vũ Thị C, sinh năm 1982 và có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Chị **Nguyễn Thị Kim N,** sinh năm 1987; trú tại xóm 3 T, xã G, huyện G, tỉnh N. (Vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi Công L, Bùi Công T, Lê Duy B, Lê Đình H1, Bùi Công C, Đinh Duy H, Lê Quang N, Bùi Công P, Bùi Đức Đ, Vũ Xuân Q đều là anh em, bạn bè cùng xóm quen biết nhau từ trước. Tối ngày 27/12/2017, L, T, B, H1, C, H, N, P, Đ đi ăn đám cưới của gia đình ông Lê Quang H ở xóm 3, thôn T, xã G, huyện G. Sau khi ăn tối xong, mọi người ngồi uống nước thì Bùi Công L nói với Vũ Xuân Q (là con rể ông H) *"Cho anh em sang nhà chơi tý"* - ý hỏi mượn nhà Q làm nơi đánh bạc, Q đồng ý. Khoảng 21 giờ cùng ngày, L, B, N, Đ, T đi lên phòng ở trên tầng 02 của gia đình nhà Q ở xóm 3, thôn T, xã G, huyện G, Q lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân của cháu Vũ Văn D sinh năm 2005 (là con trai Q) ở đám cưới đem về nhà đưa cho B làm công cụ đánh bạc. B cầm bộ bài Q đưa rồi cùng với L, B, N, T, Đ ngồi xuống chiếu đã trải sẵn ở dưới nền đánh bạc bằng hình thức *"đánh liêng"*, được thua bằng tiền với mức thấp nhất là 10.000 đồng/người/ván, mức cao nhất là 100.000đồng/người/ván. Khoảng 21h30' cùng ngày, H1, C, H, P đi từ đám cưới nhà ông H đến nhà Q; khi T đi vệ sinh thì H cầm bài hộ T 02 ván rồi, sau đó H cùng tham gia đánh bạc được 02-03 ván thì Đ thua hết tiền nên đi về nhà trước, lúc này H1 vay B 1.000.000 đồng cùng tham gia đánh bạc, sau đó C cùng tham gia đánh bạc, còn P ngồi xem các đối tượng chơi. Quá trình đánh bạc, C có điện thoại nên P cầm hộ bài C 02 ván. Khoảng 21h50' cùng ngày, Q đi từ đám cưới về nhà bảo các đối tượng nghỉ, đồng thời nói các đối tượng đưa 20.000 đồng tiền thuê địa

điểm đánh bạc, các đối tượng đều đồng ý; L lấy 20.000 đồng từ số tiền chầu gà đưa cho Q rồi chơi thêm 01 ván nữa thì thua hết tiền nên đi về nhà trước. Khoảng 22h cùng ngày, trong lúc T, B, H1, C, H, N đang đánh bạc thì bị Tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Công an xã G phát hiện, bắt giữ.

Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 670.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói, thu giữ tại vị trí giữa thùng tôn đựng gạo và tường nhà Q (ngay bên cạnh nơi các đối tượng ngồi đánh bạc) số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra, thu giữ của Bùi Công T 01 ví giả da bên trong có 1.000.000 đồng và điện thoại di động I-phone 4 mầu đen; thu giữ của Đinh Duy H 2.120.000 đồng và 03 điện thoại di động các loại (gồm 01 điện thoại I-phone 7 mầu vàng, 02 điện thoại Nokia); thu giữ Bùi Công C 01 ví giả da mầu đen bên trong có 10.700.000 đồng, thu tại túi quần phía trước bên phải 320.000 đồng và 01 điện thoại I-phone 6 mầu vàng; thu giữ của Lê Đình H1 01 chiếc ví giả da mầu nâu bên trong không có tiền, thu tại túi áo khoác bên trái 300.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung Duos mầu trắng; thu giữ của Lê Quang N 2.390.000 đồng và 01 điện thoại di động Sony mầu đen; thu giữ của Lê Duy B 02 điện thoại di động (gồm 01 điện thoại I-Phone 6 mầu trắng và 01 điện thoại Nokia 105 mầu đen); thu của Bùi Công P 01 ví giả da mầu đen bên trong có 350.000 đồng, thu tại túi quần bên phải 180.000 đồng và điện thoại di động Nokia 105; thu giữ của Vũ Xuân Q điện thoại Nokia 1280 và số tiền 150.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, số tiền mà các bị can sử dụng vào việc đánh bạc ngày 27/12/2017 là 6.800.000 đồng (gồm 670.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 2.390.000 đồng thu giữ của N, 2.120.000 đồng thu giữ của H, 300.000 đồng thu giữ của H1, 1.000.000 đồng thu giữ của T, 320.000 đồng thu giữ của C).

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS-GV ngày 09/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố ***Bùi Công L, Vũ Xuân Q, Lê Quang N, Đinh Duy H, Bùi Công C, Lê Đình H1, Bùi Công P, Bùi Công T, Bùi Đức Đ và Lê Duy B*** ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội "**Đánh bạc"**, theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo ***Bùi Công L, Vũ Xuân Q, Lê Quang N, Đinh Duy H, Bùi Công C, Lê Đình H1, Bùi Công P, Bùi Công T, Bùi Đức Đ và Lê Duy B*** phạm tội "**Đánh bạc"**; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm g (*tái phạm)* khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo **Lê Quang N** từ 03 đến 06 tháng tù. Căn cứ vào khoản 5 Điều 60, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù, cho h- ởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", tại bản án hình sự sơ thẩm số

29/2016/HSST ngày 26/7/2016, của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N. Buộc bị cáo **Lê Quang N** phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án từ 21 đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày tạm giam 29/12/2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo **Đinh Duy H** từ 12 đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của **Đinh Duy H** để sung quỹ Nhà n- ớc trong thời gian chấp hành án.

Giao bị cáo **Đinh Duy H** cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo trong thời giam cải tạo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo **Bùi Công T** từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo **Bùi Công L** từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Bị cáo **Vũ Xuân Q** từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Bị cáo **Bùi Công C** từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Bị cáo **Bùi Công P** từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Bị cáo **Bùi Đức Đ** từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Bị cáo **Lê Duy B** từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Bị cáo **Lê Đình H1** từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 6.800.000 đồng (gồm 670.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 2.390.000 đồng thu giữ của N, 2.120.000 đồng thu giữ của H, 300.000 đồng thu giữ của H1, 1.000.000 đồng thu giữ của T, 320.000 đồng thu giữ của C).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu cói, là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị;

+ Trả lại bị cáo Bùi Công C số tiền 10.700.000 đồng; Bùi Công P số tiền 530.000 đồng; Vũ Xuân Q số tiền 150.000 đồng; Lê Quang N 01 chiếc điện thoại di động Sony mầu đen, là tiền và tài sản không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết

định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của Bùi Công L, Lê Quang N, Đinh Duy H, Bùi Công C, Lê Đình H1, Bùi Công P, Bùi Công T, Bùi Đức Đ, Lê Duy B đánh bạc bằng hình thức *"đánh liêng"*, được thua bằng tiền với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 27/12/2017 là 6.800.000 đồng. Hành vi của Vũ Xuân Q thu 20.000 đồng tiền hồ (tiền thuê địa điểm đánh bạc) của các bị cáo khác, rồi để cho các bị cáo sử dụng nhà ở của mình làm nơi đánh bạc, đã phạm tội "Đánh bạc" - quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố ***Bùi Công L, Vũ Xuân Q, Lê Quang N, Đinh Duy H, Bùi Công C, Lê Đình H1, Bùi Công P, Bùi Công T, Bùi Đức Đ và Lê Duy B,*** ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công công, an toàn công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ.

Đánh bạc đang là một tệ nạn nguy hiểm, bị gia đình, xã hội lên án, Nhà nước ta đang ra sức loại trừ. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị khánh kiệt, nợ nần chồng chất, nó cũng là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác. Các bị cáo đã thành niên, có gia đình vợ con, nhưng không chịu tu chí làm ăn lương thiện mà lại tham gia đánh bạc kiếm tiền bất chính. Hành vi của các bị cáo bị chính gia đình các bị cáo lên án, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, cần phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, để cá thể hoá về hình phạt cần phải xác định vai trò, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm của từng bị cáo. Đối với Bùi Công L là người khởi x- ớng, chủ động rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác tham gia đánh bạc, bản thân bị cáo tích cực thực hiện hành vi đánh bạc cùng đồng phạm. Do vậy, Bùi Công L xếp vai trò đầu trong vụ vụ án. Đối với Vũ Xuân Q tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc, nhưng là người chuẩn bị bài Tú lơ khơ và nhận 20.000 đồng tiền "hồ" của các bị cáo, rồi dùng nơi ở của mình để cho các bị cáo khác đánh bạc. Do vậy, Vũ Xuân Q xếp vai trò thứ hai trong vụ án. Đối với Lê

Quang N, Bùi Công T, Bùi Đức Đ, Đinh Duy H, Bùi Công C, Lê Đình H1, Bùi Công P và Lê Duy B đều là những ng- ời thực hiện tội phạm một cách tích cực. Do vậy, các bị cáo này lần l- ợt xếp vai trò sau cùng trong vụ án.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với Lê Quang N; tại bản án số 29/2016/HSST ngày 26/7/2016 của TAND huyện G, tỉnh N xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày 26/7/2016, về tội "Trộm cắp tài sản". Đang chấp hành thời gian thử thách. Đây là tr- ờng hợp tái phạm nên bị cáo Lê Quang N phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, với tình tiết tăng nặng "*tái phạm*", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo Bùi Công L, Vũ Xuân Q, Đinh Duy H, Bùi Công C, Lê Đình H1, Bùi Công P, Bùi Công T, Bùi Đức Đ và Lê Duy B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; bị cáo Bùi Công L, Vũ Xuân Q, Đinh Duy H, Bùi Công C, Lê Đình H1, Bùi Công P, Bùi Đức Đ và Lê Duy B đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bị cáo Lê Quang N hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm h, p khoản 1 (thêm khoản 2 đối với bị cáo Ninh) Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo Lê Quang N đang đ- ợc h- ởng án treo, bản án hình sự sơ thẩm số 29/2016/HSST ngày 26/7/2016 của TAND huyện G, tỉnh N xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, nay phạm tội mới trong thời gian thủ thách. Do vậy, bị cáo N phải chấp hành hình phạt của bản án tr- ớc và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 51, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đối với Bùi Công T từng bị kết án, nh- ng đã đ- ợc đ- ơng nhiên xóa án tích, nên đ- ợc coi nh- ch- a bị kết án theo quy định tại Điều 63 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo Đinh Văn H có một tiền sự về hành vi cố ý gây thương tích.

[6]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo Lê Quang N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, t- ơng xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Đối với bị cáo Đinh Duy H, Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo th- ờng trú và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng theo biên bản xác minh thu nhập đối với bị cáo Đinh Duy H, ngày 22/01/2018 là 3.080.000 đồng/tháng thành tiền là 308.000 đồng/tháng, theo quy

định tại Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối với các bị cáo Bùi Công L, Vũ Xuân Q, Bùi Công C, Lê Đình H1, Bùi Công P, Bùi Công T, Bùi Đức Đ và Lê Duy B. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền, tuy là ít nghiêm khắc hơn nhưng là sự trừng phạt nặng về kinh tế đối với các bị cáo, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân bị cáo Lê Quang N là người có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ xung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về xử lý tài sản tạm giữ và vật chứng: Quá trình điều tra, cũng nh- tại phiên Tòa đã xác định số tiền bị cáo Bùi Công L, Vũ Xuân Q, Lê Quang N, Đinh Duy H, Bùi Công C, Lê Đình H1, Bùi Công P, Bùi Công T, Bùi Đức Đ và Lê Duy B sử dụng vào việc đánh bạc là 6.800.000 đồng (gồm 670.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 2.390.000 đồng thu giữ của Ninh, 2.120.000 đồng thu giữ của H, 300.000 đồng thu giữ của H, 1.000.000 đồng thu giữ của T, 320.000 đồng thu giữ của C). Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà n- ớc.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu cói thu giữ tại chiếu bạc, là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị, cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Sony mầu đen thu giữ của Lê Quang N, số tiền 10.700.000 đồng thu giữ của Bùi Công C, 530.000 đồng thu giữ của Bùi Công P, 150.000 đồng thu giữ của Vũ Xuân Q là tiền và tài sản không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho Lê Quang N, Bùi Công C, Bùi Công P và Vũ Xuân Q, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng thu giữ tại vị trí giữa thùng tôn đựng gạo và tường nhà Q do Lê Quang N cất dấu; quá trình điều tra, truy tố xác định đây là tiền chị Nguyễn Thị Kim N (vợ của N) đưa cho N đi mua ti vi, N không sử dụng vào việc đánh bạc. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại cho chị N là phù hợp.

Đối với 01 ví giả da và điện thoại di động I-phone 4 mầu đen thu giữ của Bùi Công T; 03 điện thoại di động (gồm 01 điện thoại I-phone 7 mầu vàng, 02 điện thoại Nokia) thu giữ của Đinh Duy H; 01 ví giả da mầu và 01 điện thoại I-phone 6 mầu vàng thu giữ của Bùi Công C; 01 chiếc ví giả da mầu nâu và 01 điện thoại di động Samsung Duos mầu trắng thu giữ của Lê Đình H1; 02 điện thoại di động (gồm 01 điện thoại I-Phone 6 mầu trắng và 01 điện thoại Nokia 105 mầu đen) thu giữ của Lê Duy B; 01 ví giả da mầu đen và 01 điện thoại di động Nokia 105, thu giữ cửa Bùi Công P; 01 điện thoại Nokia 1280 thu giữ cửa Vũ Xuân Q. Quá trình

điều tra xác định những tài sản trên có nguồn gốc rõ ràng, các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại tài sản nêu trên cho các bị cáo, là phù hợp.

Đối với số tiền 20.000 đồng tiền hồ (tiền thuê địa điểm đánh bạc) Q đã bỏ số tiền trên vào chiếu bạc khi công an vào bắt.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, ng-ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo ***Bùi Công L, Vũ Xuân Q, Lê Quang N, Đinh Duy H, Bùi Công C, Lê Đình H1, Bùi Công P, Bùi Công T, Bùi Đức Đ và Lê Duy B*** phạm tội ***"Đánh bạc"***.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm g (*tái phạm)* khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo **Lê Quang N** 03 (ba) tháng tù. □p dụng khoản 5 Điều 60, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù, cho h-ởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2016/HSST ngày 26/7/2016, của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N. Buộc bị cáo **Lê Quang N** phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là **21** (hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày tạm giam 29/12/2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo **Đinh Duy H** 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập trong 09 (chín) tháng, mỗi tháng là 308.000 đồng/tháng để sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo **Đinh Duy H** cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo trong thời giam cải tạo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

+ Xử phạt bị cáo **Bùi Công T**: **7. 000.000** (bẩy triệu) đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

+ Xử phạt bị cáo **Bùi Công L**: **8.000.000** (tám triệu) đồng.
+ Xử phạt bị cáo **Vũ Xuân Q**: **7.000.000** (bẩy triệu) đồng.
+ Xử phạt bị cáo **Lê Duy B**: **6.000.000** (sáu triệu) đồng.
+ Xử phạt bị cáo **Bùi Đức Đ**: **6.000.000** (sáu triệu) đồng.
+ Xử phạt bị cáo **Lê Đình H1**: **6.000.000** (sáu triệu) đồng.
+ Xử phạt bị cáo **Bùi Công C**: **6.000.000** (sáu triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo **Bùi Công P**: **6.000.000** (sáu triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 6.800.000 đồng (gồm 670.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 2.390.000 đồng thu giữ của Ninh, 2.120.000 đồng thu giữ của H, 300.000 đồng thu giữ của H, 1.000.000 đồng thu giữ của T, 320.000 đồng thu giữ của C).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu cói, là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị;

+ Trả lại bị cáo Bùi Công C số tiền 10.700.000 đồng; Bùi Công P số tiền 530.000 đồng; Vũ Xuân Q số tiền 150.000 đồng; Lê Quang N 01 chiếc điện thoại di động Sony mầu đen, là tiền và tài sản không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (Số tiền tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước, trả lại cho các bị cáo gửi tại tài sản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Đặc điểm các vật chứng tịch thu tiêu hủy và trả lại cho các bị cáo theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 09/02/2018, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

3. ***Về án phí:***

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn)đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo;Ng- ời có QLNVLQ;
- L- u hồ sơ, văn phòng;
(Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hà Thiện Thành